

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HS-ST

Ngày 20 - 01 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hữu Dụng.

2. Ông Lê Ngọc Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiên Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 165/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn T** – Sinh ngày 28 tháng 8 năm 1992, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần L (không rõ lai lịch) và bà Mai Thị T1; bị cáo có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1993 và có 01 con, sinh năm 2013; tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 26/7/2024 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Đ – Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn V1** – Sinh ngày 05 tháng 10 năm 1987, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T2; bị cáo có vợ là Phạm Thị Thúy A, sinh năm 1992 và có 02 con (con lớn nhất 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020); tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/5/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội: “Cướp tài sản” theo bản án Hình sự sơ thẩm số 102/2005/HSST ngày 11/5/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Ngày 25/10/2007 được đặc xá, chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích.

Ngày 19/02/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xử phạt 01 năm tù về tội: “Cố ý gây thương tích” theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 06/2014/HSST ngày

19/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 08/12/2014 đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 26/7/2024 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Đ – Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T theo yêu cầu của bị cáo:* Luật sư Trần Trọng H1 - Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số A, đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Người bị hại:

1/Ông Võ Quốc K - Sinh năm 1995

Cư trú tại: Thôn E, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/Ông Phạm Phương N - sinh năm 2006

Cư trú tại: Số A, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

3/Ông Lê Xuân B - sinh năm 2000

Cư trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/ Ông Hồ Thức H2 - sinh năm 1993

Cư trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Trần Thị T3, sinh năm 1988

Cư trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- **Người làm chứng:** Bà Phan Thị Thúy A1 - sinh năm 1992

Cư trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2022, Trần Văn T khi làm việc tại Vương quốc Campuchia có quen biết với người phụ nữ tên P (*không xác định được nhân thân, lai lịch*) là người phiên dịch tiếng Trung Quốc và là người quản lý của một công ty ở Campuchia có tên “Lisboa Macau” tại thành phố P, Vương quốc Campuchia do người đàn ông tên thường gọi là “Hói” người Trung Quốc (*không xác định được nhân thân, lai lịch*) làm chủ.

Sau một thời gian, T đến làm việc cho công ty P2 và biết được công ty P2 đang có nhu cầu tuyển dụng nhân viên về làm việc cho công ty tại Campuchia với công việc là lôi kéo, dụ dỗ, lừa đảo người chơi nạp tiền dưới hình thức kêu gọi đầu tư tài chính (*dưới hình thức giống với cá cược trực tuyến*) vào trang web “Lisboa Macau.cc” sau đó chiếm đoạt. Khi dụ dỗ, lừa gạt được người chơi nạp tiền vào tài khoản của công ty thì nhân viên sẽ được hưởng hoa hồng từ 25-30% trên tổng số

tiền mà người chơi đã nộp. Khi tham gia lô kéo, tuyển mộ được người làm và chuyển giao cho công ty thì mỗi người sẽ được công ty chi trả số tiền 300 USD tiền hỗ trợ đi lại và sẽ được hưởng 05% trên tổng số tiền mà người đó lô kéo, dù đã được người chơi nạp tiền vào tài khoản của công ty.

Thời gian từ tháng 3/2024 đến tháng 6/2024, Trần Văn T đã lô kéo, dụ dỗ, qua đó đã tuyển mộ được 05 người để chuyển giao cho công ty của P ở Campuchia, gồm: Nguyễn Văn V1, Võ Quốc K, Phạm Phương N, Lê Xuân B, Hồ Thức H2, để nhằm hưởng lợi một phần tiền công ty hỗ trợ đi lại và tiền hoa hồng 5% trên tổng số tiền đã lô kéo người chơi nạp tiền vào tài khoản của công ty, cụ thể như sau:

1. Đối với Nguyễn Văn V1, sinh năm 1987, trú tại Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Khi T đang ở Campuchia, T liên lạc qua mạng xã hội zalo với V1, qua nói chuyện, V1 biết được T đang làm việc ở Campuchia và có thu nhập ổn định. Đến khoảng tháng 01/2024, vào dịp Tết Nguyên đán, V1 đến nhà chơi, chúc Tết và gặp T tại xã E, huyện E, khi V1 hỏi thăm về công việc thì T nói rằng *“công việc nhẹ nhàng thoải mái, chỉ làm việc trên máy vi tính, lương được tính trên 30% số tiền kiếm được, làm được nhiều hưởng nhiều, nếu V1 muốn đi làm thì T sẽ giới thiệu”*. Khi V1 đồng ý và chuẩn bị xong hộ chiếu thì T thông báo cho P về việc đã tuyển mộ được V1 để làm việc cho công ty thì P đồng ý tiếp nhận. Ngày 02/3/2024, V1 được T hướng dẫn đón xe khách, xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế M1 sang Campuchia, đến khoảng 13h00 ngày 03/3/2024, khi V1 sang đến P thì được T đón về công ty.

Tại đây, V1 được ông “Hỏi” cung cấp máy tính, điện thoại di động và tài khoản facebook ảo có tên *“Trần KI”* có sẵn để đưa ra các thông tin gian dối nhằm lừa gạt, dụ dỗ, lô kéo người chơi nạp tiền vào tài khoản của công ty. Khi V1 bắt đầu làm việc thì được công ty chi trả tiền hỗ trợ đi lại 300 USD, tương ứng 7.500.000 đồng (*số tiền này được T nhận từ P và chuyển khoản cho V1*), đồng thời, V1 phải cam kết làm việc trên 06 tháng và đạt được chỉ tiêu mỗi tháng do công ty đưa ra là phải dụ dỗ, lô kéo người chơi nộp tiền được số tiền 100.000.000đ trở lên, nếu không đạt chỉ tiêu thì có thể bị phạt hớt đất, đánh đập; nếu bỏ trốn có thể bị đánh đập, giam giữ hoặc bị bán cho công ty khác. Thời gian làm việc mỗi ngày từ 12 đến 14 tiếng, việc sinh hoạt khép kín trong căn nhà và muốn ra ngoài phải xin phép và có bảo vệ theo dõi. Mọi chi phí, ăn uống, sinh hoạt đều khép kín và có người của công ty chu cấp nhưng nếu không đạt chỉ tiêu thì phải trả toàn bộ các khoản chi phí này. Sau khi làm được khoảng 01 tuần, V1 không muốn làm việc nữa mà xin về Việt Nam thì bà P không đồng ý và yêu cầu muốn về phải bồi thường cho công ty từ 3000 USD-5000 USD, do không có tiền nên Vĩnh buộc phải tiếp tục làm việc tại công ty.

Thời gian từ tháng 3/2024 đến tháng 7/2024, V1 đã dụ dỗ, lô kéo người chơi nạp vào tài khoản của công ty với tổng số tiền 130.000.000 đồng và đã được công ty cho ứng trước 20.000.000 đồng tiền hoa hồng từ việc lô kéo người chơi. T đã được hưởng hoa hồng (5%) trên tổng số tiền Vĩnh lô kéo, tương ứng khoảng

6.500.000 đồng.

Ngoài ra, T còn trao đổi với V1 về việc nếu tuyển mộ, lôi kéo người sang làm việc cho công ty của P thì sẽ được công ty trả công. Sau đó, đến tháng 5/2024, khi V1 về Việt Nam thăm gia đình thì có gặp Võ Quốc K và V1 lôi kéo, đưa K từ Việt Nam đến chuyển giao cho công ty tại Campuchia.

2. Đối với Võ Quốc K, sinh năm 1995, trú tại Thôn E, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Vào khoảng tháng 4/2024, khi V1 về Việt Nam thăm gia đình thì có liên lạc với Võ Quốc K, do trước đây giữa K và V1 có quan hệ quen biết nên K có hỏi thăm về công việc của V1 ở Campuchia thì được V1 cung cấp thông tin về việc V1 đang làm cho công ty ở Campuchia, công việc nhẹ nhàng trên máy tính, lương cao, có chỗ ăn ở và nếu cố gắng có thể thu nhập được vài chục triệu đồng hằng tháng. Khi nghe V1 nói thì K tin tưởng nên nhờ V1 đưa sang Campuchia để làm việc. V1 liên lạc với T đang ở Campuchia về việc giới thiệu K sang làm việc ở công ty ở Campuchia và T thông báo cho P thì được sự đồng ý của P. Sau đó, đến ngày 14/5/2024, V1 hẹn K từ tỉnh Bình Dương đi đến thành phố Hồ Chí Minh để cùng đón xe khách xuất cảnh sang Campuchia, V1 thông báo cho K phải tự chi trả chi phí đi xe và xuất cảnh sang Campuchia với số tiền 1.500.000 đồng, K đã chuyển số tiền này cho V1. Đến ngày 15/5/2024, khi V1 và K sang đến Campuchia và chuyển giao Kỳ cho phía Công ty, V1 nộp một số khoản tiền sinh hoạt cho K khoảng 400.000 đồng. Khi đã tuyển mộ và chuyển giao K cho phía Công ty ở Campuchia thành công, V1 được T chuyển khoản chi trả hoa hồng với tổng số tiền 6.000.000 đồng từ việc chuyển giao V1 cho công ty. Sau khi trừ đi số tiền V1 đã chi trả cho K, tổng cộng V1 được hưởng lợi 5.600.000 đồng. T cũng được P chi trả số tiền 300 USD, tương ứng 7.500.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền T đã chuyển cho V1 thì T được hưởng lợi số tiền 1.500.000 đồng.

Quá trình làm việc ở Campuchia, K biết được công việc không giống như V1 đã thông báo trước đó, K được ông “Hói” giao tài khoản Facebook ảo có tên “Hà Huy H3” và thực hiện việc lôi kéo, dụ dỗ, lừa đảo người chơi trên mạng xã hội nộp tiền vào tài khoản của công ty. Ngoài ra, K bị công ty thu hộ chiếu, cho người canh gác, làm việc trong điều kiện bị giám sát, thời gian làm việc từ 09 giờ đến 23 giờ hằng ngày. Quá trình làm việc phải đạt chỉ tiêu của công ty, nếu không làm việc thì bị quát nạt, đánh đập hoặc bán cho công ty khác, nếu muốn về Việt Nam thì phải đóng bồi thường cho công ty số tiền từ 3000 USD – 5000 USD. Do K không có tiền để đóng cho công ty và sợ không về được Việt Nam nên phải ở lại công ty tiếp tục làm việc.

Thời gian từ 15/5/2024 đến ngày 08/7/2024, K đã lôi kéo, dụ dỗ được người chơi nộp vào tài khoản của công ty với tổng số tiền khoảng 26.000.000 đồng, K đã tạm ứng tiền hoa hồng từ phía công ty 5.000.000 đồng. Ngoài ra, T cũng được hưởng hoa hồng (5%) trên tổng số tiền Kỳ lôi kéo được người chơi nộp tiền, tương ứng 1.300.000 đồng. Tổng cộng, từ việc tuyển mộ, lôi kéo và chuyển giao Võ Quốc K cho Công ty ở Campuchia, Nguyễn Văn V1 đã được hưởng lợi số tiền 5.600.000 đồng và Trần Văn T đã được hưởng lợi với tổng số tiền 2.800.000 đồng.

3. Đối với Phạm Phương N, sinh ngày 21/3/2006, trú tại Tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Phạm Phương N là cháu của Trần Văn T, vào tháng 3/2024, T đã liên hệ dụ dỗ, lôi kéo N sang Campuchia làm việc với thông tin “*công việc nhẹ nhàng, thu nhập ổn định*” thì N đồng ý. Sau đó, ngày 02/3/2024, T chuyển cho bà Trần Thị T3 là di ruột của N số tiền 2.500.000đ để N chi phí đi lại. Ngày 23/3/2024, N đón xe khách từ Đắk Lắk đến thành phố Hồ Chí Minh và được T hướng dẫn đón xe khách sang Campuchia.

Khi sang đến Campuchia, N được T đón về công ty để làm việc, T tiếp tục chi cho N số tiền 3.000.000 đồng để mua sắm đồ dùng cá nhân. Sau khi N đã nhận việc thì T được P thanh toán số tiền 300 USD, tương ứng số tiền 7.500.000 đồng, sau khi trừ đi các khoản đã chi trả, T được hưởng lợi số tiền 2.000.000 đồng.

Quá trình làm việc ở công ty, biết được tính chất công việc không giống T đã nói trước đó, N được ông “Hỏi” cung cấp tài khoản facebook ảo có tên “*Nguyễn Thế P1*” và “*Ngô Kỳ L1*” để lôi kéo, dụ dỗ và lừa gạt người chơi nạp tiền vào tài khoản của công ty. Khi làm việc N bị thu hộ chiếu, bị công ty Q1, theo dõi, giám sát hằng ngày, phải làm việc liên tục từ 09 giờ đến 23 giờ hằng ngày; Quá trình làm việc phải đạt chỉ tiêu của công ty, nếu không làm việc thì bị quát nạt, đánh đập, phạt hít đất hoặc bán cho công ty khác, nếu muốn về Việt Nam thì phải đóng bồi thường cho công ty.

Thời gian từ tháng 3/2024 đến ngày 08/7/2024, N đã lôi kéo, dụ dỗ người chơi nạp vào tài khoản đánh bạc trên mạng với tổng số tiền hơn 32.000.000 đồng, tuy nhiên, T được hưởng hoa hồng (5%) tương ứng số tiền 1.600.000 đồng nhưng cả T và N chưa được hưởng hoa hồng. Tổng số tiền Trần Văn T đã được hưởng lợi từ việc lôi kéo, tuyển mộ và chuyển giao Phạm Phương N cho công ty ở Campuchia là 2.000.000 đồng.

4. Đối với Lê Xuân B, sinh năm 2000, trú tại Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Khoảng tháng 6/2024, Lê Xuân B liên hệ qua mạng xã hội facebook với T để hỏi thăm công việc thì được T đưa ra thông tin “*công việc ở Campuchia làm việc trên máy tính, nhẹ nhàng, có thu nhập ổn định*” thì B đồng ý và nhờ T đưa sang Campuchia để làm việc. Do Ba không có tiền nên T đã chuyển khoản cho B số tiền 2.000.000 đồng để chi phí đi lại.

Theo sự hướng dẫn của T, ngày 25/6/2024, Lê Xuân B đón xe khách từ Việt Nam sang Campuchia rồi được T hướng dẫn đến trụ sở công ty. Khi đã lôi kéo, tuyển mộ được Lê Xuân B, T thông báo cho P biết và được P đồng ý và hẹn sẽ chi trả số tiền 300USD cho T sau.

Tại công ty, Ba được ông “Hỏi” cấp cho tài khoản mạng xã hội facebook “ảo” có tên “*Trần Đại Q*” để thực hiện việc lôi kéo, dụ dỗ, lừa gạt người chơi nạp tiền vào các tài khoản của công ty. Quá trình làm việc, Lê Xuân B biết được tính chất công việc không giống T đã nói trước đó. Khi làm việc Ba bị thu hộ chiếu, bị công ty Q1, theo dõi, giám sát hằng ngày, phải làm việc liên tục từ 09 giờ đến 23

giờ hằng ngày; Quá trình làm việc phải đạt chỉ tiêu của công ty, nếu không làm việc thì bị quất nạt, đánh đập, phạt hít đất hoặc bán cho công ty khác, nếu muốn về Việt Nam thì phải đóng bồi thường cho công ty. Do Ba không có tiền và sợ không quay về Việt Nam được nên B đồng ý tiếp tục làm việc cho công ty.

Thời gian từ ngày 25/6/2024 đến ngày 08/7/2024, Lê Xuân B đã lôi kéo được 01 người chơi nộp vào tài khoản của công ty số tiền 12.000.000 đồng. T cũng sẽ được công ty T6 (5%), tương ứng số tiền 500.000đ. Tuy nhiên, do Ba chưa được công ty thanh toán tiền nên T cũng chưa được hưởng số tiền hoa hồng này.

5. Đối với Hồ Thức H2, sinh năm 1993, trú tại Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Hồ Thức H2 và Trần Văn T là bạn học phổ thông với nhau. Vào khoảng tháng 5/2024, H2 liên hệ với T để hỏi thăm tình hình công việc thì được T đưa ra thông tin “*đi làm công ty ở Campuchia, làm việc trên máy tính, công việc nhẹ nhàng, có thu nhập ổn định*” thì H2 nhờ T đưa sang Campuchia để làm việc.

Do không có tiền nên H2 hỏi mượn T số tiền 4.500.000 đồng để làm giấy tờ, thủ tục và chi phí đi lại sang Campuchia. Đến ngày 15/6/2024, theo sự hướng dẫn của T, H2 đã đón xe khách từ Việt Nam sang Campuchia rồi được T đón đưa đến trụ sở công ty làm việc. Sau khi đón được H2 về công ty, T thông báo cho P về việc đã tuyển mộ được 01 người thì P đồng ý và hứa hẹn sẽ thanh toán số tiền 300 USD tương đương 7.500.000 đồng cho T sau.

Quá trình làm việc ở công ty, H2 được ông “*Hỏi*” cấp cho tài khoản mạng xã hội facebook có tên “*Đức Lê*” để thực hiện việc lôi kéo, dụ dỗ, lừa gạt người chơi nạp tiền vào các tài khoản của công ty. Quá trình làm việc, H2 biết được tính chất công việc không giống T đã nói trước đó. Khi làm việc H2 bị thu hộ chiếu, bị công ty Q1, theo dõi, giám sát hằng ngày, phải làm việc liên tục từ 09 giờ đến 23 giờ hằng ngày; Quá trình làm việc phải đạt chỉ tiêu của công ty, nếu không làm việc thì bị quất nạt, đánh đập, phạt hít đất hoặc bán cho công ty khác, nếu muốn về Việt Nam thì phải đóng bồi thường cho công ty. Do H2 chưa lôi kéo, dụ dỗ được người chơi nào nộp tiền nên bản thân H2 và T chưa được hưởng lợi từ việc lôi kéo, tuyển mộ người chơi nộp tiền vào tài khoản công ty.

Ngoài ra, quá trình làm việc ở Campuchia, V1 có xin P cho vợ là Phan Thị Thúy A1, sinh năm 1992, trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk sang nấu cơm cho nhân viên thì được P đồng ý. Đến ngày 27/6/2024, V1 nhập cảnh về Việt Nam để đưa vợ qua Campuchia, ngày 08/7/2024 V1 và vợ nhập cảnh C đi đến công ty.

Ngày 08/7/2024, Cảnh sát V2 kiểm tra, phát hiện 02 đối tượng Trần Văn T và Nguyễn Văn V1 cùng 04 nạn nhân gồm: Lê Xuân B, Phạm Phương N, Hồ Thức H2, Võ Quốc K và Phan Thị Thúy A1 đang lao động bất hợp pháp, không có Hộ Chiếu (*do đã bị phía Công ty thu giữ*) nên Cảnh sát Campuchia đã bắt giữ và đến ngày 23/7/2024, Cảnh sát Campuchia trao trả cho Đoàn biên phòng cửa khẩu quốc tế M1.

Sau đó Đoàn Biên phòng quốc tế cửa khẩu M1 bàn giao các đối tượng, nạn

nhân trong vụ việc cho Công an tỉnh Đ để tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì.

Cáo trạng số: 171/CT-VKSĐL-P2 ngày 27/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn V1 về tội: “Mua bán người” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 150; bị cáo Nguyễn Văn V1 theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn V1 và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn V1 về tội: “Mua bán người”. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 150; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 11(Mười một) năm tù đến 12 (Mười hai) năm tù. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V1 từ 08 (T) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 09 (C1) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng 48 Bộ luật Hình sự; Điều 592 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận bị cáo Trần Văn T đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại với tổng số tiền 18.500.000 đồng và bị cáo Nguyễn Văn V1 đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại số tiền 5.000.000 đồng được những người bị hại bãi nại, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Đối với số tiền 11.300.000 đồng do bị cáo T phạm tội mà có và số tiền 5.600.000 đồng do bị cáo V1 phạm tội mà có. Đề nghị Hội đồng xét xử; Truy thu sung ngân sách Nhà nước.

Luật sư Trần Trọng H1 trình bày lời bào chữa cho bị cáo T: Về cơ bản Luật sư nhất trí với tội danh, điều khoản Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Trần Văn T. Nguyên nhân bị cáo phạm tội là chủ quan, bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế, sau khi bị cáo được P khởi xướng trả 300 USD xuất phát từ việc tạo công ăn việc làm cho bị hại. Trong số 05 người bị hại, có bị hại tự ý xin đi. Phía công ty chỉ trả cho bị cáo số tiền 11.300.000 đồng, bị cáo chỉ nghĩ là tiền công chứ không phải là tiền mua bán người. Nếu bị cáo biết được khung hình phạt từ 8 năm tù đến 15 tù thì bị cáo không giám phạm tội. Các bị hại, V1, N đều xác định là việc nhẹ lương cao. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nguyên nhân chủ quan, khách quan để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có con còn nhỏ, vợ không có công ăn việc làm, bị cáo có nhân thân tốt, có ông ngoại là người có công cách mạng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 18.500.000 đồng, được các bị hại làm đơn bãi nại cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình

sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 11 năm tù đến 12 năm tù là quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức án 8 năm tù là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận tại phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận đã đưa 05 người sang Campuchia, bị cáo ở bên đó đã từng bị công ty không trả lương, biết được như thế bị cáo vẫn đưa người sang Campuchia để hưởng lợi, mức án Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 11 năm đến 12 năm tù là phù hợp và đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư, Kiểm sát viên bảo lưu ý kiến đã trình bày và không tranh luận bổ sung gì thêm. Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên đã thi hành các quyết định tố tụng, lấy lời khai của các bị cáo và các đương sự khác liên quan trong vụ án là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Kiểm sát viên đã thực hiện việc kiểm sát hoạt động tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nên các bị cáo không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai các bị hại và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Trong thời gian từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 07 năm 2024, T đã lôi kéo, dụ dỗ, lừa gạt, tuyển mộ được và chuyển giao 05 người gồm Phạm Phương N, Lê Xuân B, Hồ Thức Hùng Nguyễn Văn V1, Võ Quốc K cho công ty C2 “Lisboa Macau” tại thành phố P, Vương quốc C do đối tượng tên P người Việt Nam quản lý nhằm hưởng lợi số tiền 11.300.000 đồng. Sau khi được T tuyển mộ và được T đồng ý, V1 đã lôi kéo, dụ dỗ, tuyển mộ Võ Quốc K cho T và P để hưởng lợi số tiền 5.600.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn T là phạm tội: “Mua bán người” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự và hành vi của bị cáo Nguyễn Văn V1 là phạm tội: “Mua bán người” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 150 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để chuyển giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:

...

d) *Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của N2;*

đ) *Đối với từ 02 người đến 05 người;*

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do, danh dự, nhân phẩm của con người. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ được hành vi mua bán người là vi phạm pháp luật. Nhưng chỉ vì tham lam, tư lợi các bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội, cho nên đối với các bị cáo cần phải xử lý nghiêm tương xứng với tính chất mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và buộc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài nhất định nhằm đảm bảo cải tạo giáo dục bị cáo và góp phần răn đe phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này trong tình hình xã hội hiện nay.

Tuy nhiên, bị cáo T phạm tội với 02 tình tiết định khung tăng nặng hình phạt. Đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết của những người bị hại nên bị cáo dụ dỗ, lôi kéo 05 người qua làm việc tại Campuchia nhằm hưởng lợi số tiền 11.300.000 đồng, cho nên đối với bị cáo phải xử phạt mức án cao hơn bị cáo V1. Bị cáo V1 vừa là bị hại vừa là bị cáo trong vụ án, bị cáo là người biết rõ việc sang Campuchia làm việc là một hình thức lừa dối, khi làm việc tại Campuchia bị cáo cũng biết rõ sức lao động bị bóc lột khi thực hiện công việc không đạt được mục tiêu, mục đích do công ty đưa ra thì sẽ bị đánh đập, phạt hất đất hoặc bán cho công ty khác. Thế nhưng sau khi được T đưa sang Campuchia làm việc Vĩnh đã đã dụ dỗ, lôi kéo, tuyển mộ Võ Quốc K cho T và P để hưởng lợi. Bị cáo V1 là người có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt về tội: “Cướp tài sản” và tội: “Cố ý gây thương tích”. Nhưng bị cáo không chịu ăn năn, hối cải mà lại tiếp tục phạm tội nên khi lượng hình cũng cần xem xét nhân thân của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn V1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại và đã được các bị hại làm đơn bãi nại cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn V1 có bố là ông Nguyễn Văn V, bị cáo Trần Văn T có ông ngoại là ông Mai Xuân N1, bà ngoại Trần Thị T4 là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cần được áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phạm tội, bị cáo Trần Văn T đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại với tổng số tiền 18.500.000 đồng và bị cáo Nguyễn Văn V1 đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng được các bị hại làm đơn bãi nại cho các bị cáo và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[6] Các biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 11.300.000 đồng bị cáo Trần Văn T hưởng lợi và số tiền 5.600.000 đồng bị cáo Nguyễn Văn V1 hưởng lợi, đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu, sung ngân sách Nhà nước.

Trong vụ án còn có đối tượng tên “H4”, “Phuong” đã tiếp nhận các nạn nhân từ Trần Văn T, Nguyễn Văn V1 để cưỡng bức lao động, ép buộc thực hiện hành vi trái pháp luật. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã tiến hành các biện pháp điều tra, xác minh nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng trên. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra quyết định tách hành vi của đối tượng “H4”, “P” để tiếp tục xác minh, xử lý về sau là phù hợp.

Đối với việc các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn V1, các nạn nhân Phạm Phương N, Lê Xuân B, Võ Quốc K, Hồ Thức H2 đã có hành vi sử dụng các tài khoản mạng xã hội facebook “ảo” để dụ dỗ, lừa gạt người dân nộp tiền vào các tài khoản của công ty ở Campuchia qua website “*Lisboa Macau.cc*” (theo chỉ đạo, ép buộc từ phía công ty ở Campuchia). Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không thu giữ được các tài liệu, thông tin để xác định bị hại và tài liệu chứng minh hành vi phạm tội cụ thể. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra quyết định tách hành vi để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

Về việc các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn V1 và các nạn nhân Phạm Phương N, Lê Xuân B, Võ Quốc K, Hồ Thức H2 xuất cảnh từ Việt Nam sang Campuchia, tài liệu thu thập được xác định các bị cáo, bị hại đã xuất cảnh, nhập cảnh đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không đề cập xử lý là có căn cứ, phù hợp.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn V1 phạm tội “Mua bán người”.

[2]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Căn cứ các điểm d, đ khoản 2 Điều 150; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn T.

Xử phạt bị cáo: Trần Văn T 10 (M) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 26/7/2024.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 150; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn V1.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn V1 08 (T5) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 26/7/2024.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, Điều 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự;

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại số tiền 18.500.000 đồng giữa gia đình bị cáo T và số tiền 5000.000 đồng giữa gia đình bị cáo V1 với các bị hại.

[4]. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 11.300.000 đồng do bị cáo T phạm tội mà có và số tiền 5.600.000 đồng do bị cáo V1 phạm tội mà có.

[5]. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn V1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My